

Ứng dụng lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự trong truyền thông phòng chống bạo lực gia đình trên báo chí ở Việt Nam hiện nay

PGS, TS. NGUYỄN THỊ TỐ QUYÊN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: nguyentoquyen_68@yahoo.com.

Nhận ngày 2 tháng 5 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 12 năm 2024.

Tóm tắt: Bài báo tổng thuật các nghiên cứu ứng dụng lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự trong truyền thông phòng, chống bạo lực gia đình (BLGD) trên báo chí Việt Nam. Tổng thuật thực trạng truyền thông về BLGD trên báo chí, chỉ ra những hạn chế (nội dung, hình thức, tần suất) và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của truyền thông trong việc phòng, chống BLGD, góp phần giảm thiểu tình trạng BLGD ở Việt Nam.

Từ khóa: báo chí phòng chống bạo lực gia đình; lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự; truyền thông phòng chống bạo lực gia đình.

Abstract: This article synthesizes research on applying agenda-setting theory in domestic violence prevention communication in Vietnamese journalism. It reviews the current state of domestic violence reporting in the press, identifies limitations (content, format, and frequency), and proposes solutions to improve the effectiveness of communication efforts in preventing domestic violence, thereby contributing to reducing domestic violence in Vietnam.

Keywords: journalism in domestic violence prevention; agenda-setting theory; domestic violence prevention communication.

Bạo lực gia đình, một vấn nạn nhức nhối trong xã hội Việt Nam đương đại, đã và đang để lại những hệ lụy nặng nề không chỉ đối với nạn nhân trực tiếp mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển lành mạnh của gia đình và toàn xã hội. Bạo lực gia đình là hiện tượng phổ biến ở Việt Nam, cứ 3 phụ nữ đã kết hôn/có bạn tình thì có 1 người (32%) cho biết đã từng bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục trong đời⁽¹⁾. BLGD không chỉ gây tổn thương về thể chất mà còn để lại những hậu quả lâu dài về mặt tâm lý, sức khỏe sinh sản và sức khỏe tổng thể của phụ nữ, làm gia tăng nguy cơ ly hôn, tan vỡ gia đình, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển nhân cách của trẻ em và tạo ra gánh nặng cho xã hội.

Một trong những lý thuyết truyền thông có tiềm năng ứng dụng lớn trong lĩnh vực phòng chống BLGD là lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự

(Agenda-Setting Theory). Lý thuyết này cho rằng truyền thông không chỉ đơn thuần phản ánh thực tế mà còn có khả năng định hướng sự chú ý của công chúng, ảnh hưởng đến nhận thức về tầm quan trọng của các vấn đề xã hội⁽²⁾. Nói cách khác, truyền thông có thể "thiết lập chương trình nghị sự" cho công chúng, khiến công chúng quan tâm và thảo luận về những vấn đề mà truyền thông nhấn mạnh. Trong bối cảnh phòng chống BLGD, việc ứng dụng lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự có thể giúp báo chí nâng cao nhận thức của công chúng về vấn nạn này, thúc đẩy sự thay đổi thái độ và hành vi, từ đó góp phần giảm thiểu tình trạng BLGD trong xã hội.

1. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự và ứng dụng trong truyền thông

Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự là một trong những lý thuyết truyền thông có sức ảnh hưởng

lớn, được phát triển bởi McCombs và Shaw (1972). Lý thuyết này cho rằng truyền thông có khả năng định hình nhận thức của công chúng về tầm quan trọng của các vấn đề xã hội, bằng cách lựa chọn và nhấn mạnh những vấn đề nhất định⁽³⁾. Nói cách khác, truyền thông không chỉ đơn thuần phản ánh thực tế mà còn có khả năng thiết lập chương trình nghị sự cho công chúng, hướng sự chú ý của họ vào những vấn đề mà truyền thông cho là quan trọng.

Cơ chế hoạt động của lý thuyết này dựa trên hai cấp độ. Cấp độ thứ nhất liên quan đến khả năng của truyền thông trong việc đưa một vấn đề vào chương trình nghị sự của công chúng, tức là khiến công chúng nhận thức được vấn đề đó và coi nó là quan trọng⁽⁴⁾. Cấp độ thứ hai liên quan đến khả năng của truyền thông trong việc định hình cách công chúng suy nghĩ về vấn đề đó, thông qua việc nhấn mạnh các khía cạnh hoặc thuộc tính nhất định của vấn đề⁽⁵⁾.

Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự đã có những ứng dụng rộng rãi và sâu sắc trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong chính trị. Các nghiên cứu kinh điển như của McCombs và Shaw (1972)⁽⁶⁾ đã chứng minh mối tương quan chặt chẽ giữa các vấn đề được truyền thông nhấn mạnh trong chiến dịch tranh cử tổng thống Mỹ năm 1968 và những vấn đề mà cử tri xem là quan trọng. Nghiên cứu này không chỉ đặt nền tảng cho lý thuyết mà còn mở ra hướng nghiên cứu mới về tác động của truyền thông đến nhận thức công chúng. Tiếp nối thành công đó, McCombs (2002)⁽⁷⁾ đã đi sâu vào phân tích vai trò của truyền thông đại chúng trong việc định hình dư luận thông qua thiết lập chương trình nghị sự, đặc biệt trong các bối cảnh chính trị như bầu cử. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng tần suất và cách thức truyền thông đưa tin về một vấn đề hoặc ứng viên có thể tác động đáng kể đến nhận thức và đánh giá của công chúng. Không chỉ dừng lại ở việc xác định tầm quan trọng của các vấn đề, các nghiên cứu khác như của Weaver et al. (1981)⁽⁸⁾ còn khám phá cách thức các phương tiện truyền thông đóng khung các vấn đề chính trị, từ đó ảnh hưởng đến cách công chúng hiểu và phản ứng. Nghiên cứu này đã kiểm tra ảnh hưởng của các chương trình truyền hình và báo chí đối với nhận thức của cử tri về các vấn đề quan trọng trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 1976, cung cấp thêm

bằng chứng về khả năng thiết lập chương trình nghị sự của truyền thông. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự đã được chứng minh là một công cụ hữu ích để hiểu cách thức truyền thông ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của công chúng trong lĩnh vực chính trị. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng phương tiện truyền thông có khả năng định hướng sự chú ý của công chúng vào các vấn đề cụ thể, tác động đến cách họ đánh giá tầm quan trọng của những vấn đề này, và thậm chí ảnh hưởng đến cách họ hiểu và phản ứng với chúng.

Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự không chỉ có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực chính trị mà còn được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực khác như môi trường, y tế công cộng và kinh doanh. Trong lĩnh vực môi trường, Scheufele và Tewksbury (2007)⁽⁹⁾ đã chỉ ra rằng cách thức truyền thông đóng khung các vấn đề môi trường có thể tác động đáng kể đến nhận thức và phản ứng của công chúng. Nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc truyền thông chính xác và khách quan về các vấn đề môi trường như biến đổi khí hậu, giúp công chúng hiểu rõ vấn đề và có hành động phù hợp. Trong lĩnh vực y tế công cộng, Valenzuela & Arriagada (2011)⁽¹⁰⁾ đã áp dụng lý thuyết này để nghiên cứu cách thức truyền thông tác động đến nhận thức và hành vi của công chúng liên quan đến các vấn đề sức khỏe như dịch bệnh, tiêm chủng và lối sống lành mạnh. Nghiên cứu này cho thấy truyền thông có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về sức khỏe cộng đồng và khuyến khích hành vi tích cực. Trong lĩnh vực kinh doanh, Carroll & McCombs (2003)⁽¹¹⁾ đã khảo sát cách các phương tiện truyền thông ảnh hưởng đến hình ảnh và ý kiến của công chúng về các tập đoàn lớn. Nghiên cứu này cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức doanh nghiệp có thể sử dụng truyền thông để xây dựng hình ảnh tích cực và quản lý khủng hoảng truyền thông. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự đã chứng minh tính ứng dụng rộng rãi trong việc giải thích cách thức truyền thông định hình nhận thức và hành vi của công chúng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Từ việc nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu đến thúc đẩy hành vi sức khỏe tích cực và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp, lý thuyết này cung cấp một khuôn khổ hữu ích để

hiều và tận dụng sức mạnh của truyền thông.

Những nghiên cứu này cho thấy lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự có thể được ứng dụng một cách hiệu quả để phân tích tác động của truyền thông đến nhận thức và hành vi của công chúng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự cung cấp một khuôn khổ hữu ích để hiểu cách thức truyền thông định hình nhận thức và hành vi của công chúng, không chỉ trong lĩnh vực chính trị mà còn trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội⁽¹²⁾. Việc áp dụng lý thuyết này vào lĩnh vực phòng chống BLGD có thể giúp các nhà truyền thông hiểu rõ hơn về cách thức truyền thông có thể tác động đến nhận thức của công chúng về vấn đề này, từ đó định hình thái độ và hành vi của công chúng.

2. Thực trạng truyền thông về bạo lực gia đình trên báo chí Việt Nam

Truyền thông về phòng chống BLGD trên báo chí Việt Nam hiện nay đã có những bước tiến đáng kể, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về vấn đề này. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để thông tin về BLGD thực sự hiệu quả và mang tính định hướng.

Về nội dung, các khảo sát chỉ ra rằng các tin bài trên báo chí đã đề cập đến nhiều khía cạnh của BLGD, từ nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả đến các giải pháp phòng ngừa và can thiệp⁽¹³⁾. Tuy nhiên, thông tin đôi khi chưa đầy đủ và toàn diện, tập trung vào các vụ việc cụ thể, gây sốc, thiếu đi phân tích sâu về bối cảnh xã hội, văn hóa và các yếu tố nguy cơ tiềm ẩn⁽¹⁴⁾. Các bài báo thường tập trung vào các vụ việc bạo lực cụ thể, đặc biệt là những vụ việc nghiêm trọng, gây chấn động dư luận. Tuy nhiên, việc đưa tin về các vụ việc này đôi khi còn mang tính chất giật gân, câu khách, thiếu đi sự đồng cảm và tôn trọng đối với nạn nhân⁽¹⁵⁾. Bên cạnh đó, một số bài báo còn tập trung vào việc đổ lỗi cho nạn nhân, thay vì phân tích sâu về nguyên nhân gốc rễ của vấn đề và trách nhiệm của người gây ra bạo lực⁽¹⁶⁾.

Về hình thức, báo chí đã sử dụng nhiều thể loại khác nhau như tin tức, phóng sự, phỏng vấn, bình luận để đưa tin về BLGD. Tuy nhiên, cách thể hiện đôi khi còn nặng tính chất lên án, quy chụp trách nhiệm cho nạn nhân, thiếu đi sự đồng cảm và tôn trọng cần thiết⁽¹⁷⁾. Việc sử dụng ngôn ngữ chưa nhạy

cảm giới cũng là một vấn đề cần lưu ý, ví dụ như việc sử dụng các từ ngữ đả kích cho nạn nhân hoặc giảm nhẹ tính nghiêm trọng của hành vi bạo lực⁽¹⁸⁾.

Về tần suất, các bài báo về BLGD xuất hiện thường xuyên hơn trên báo chí, đặc biệt là trong các dịp kỷ niệm ngày 8/3, 20/10, ngày gia đình Việt Nam, tháng hành động phòng chống bạo lực gia đình hoặc khi có những vụ việc nổi cộm⁽¹⁹⁾. Tuy nhiên, tần suất này chưa đồng đều giữa các tờ báo và các loại hình báo chí⁽²⁰⁾. Một số tờ báo lớn có nhiều chuyên mục, bài viết về BLGD, trong khi các tờ báo địa phương hoặc báo điện tử lại ít quan tâm hơn. Điều này cho thấy báo chí chưa thực sự coi trọng việc đưa tin về BLGD một cách thường xuyên và liên tục.

Đánh giá về mức độ hiệu quả của truyền thông hiện nay trong việc thiết lập chương trình nghị sự về BLGD, có thể thấy rằng truyền thông đã góp phần đưa vấn đề này vào chương trình nghị sự của công chúng và các nhà hoạch định chính sách⁽²¹⁾. Tuy nhiên, hiệu quả này chưa thực sự cao và chưa đủ để tạo ra sự thay đổi căn bản về nhận thức và hành vi của xã hội. Cần có những nỗ lực hơn nữa từ phía báo chí để làm nổi bật vấn đề BLGD, phân tích sâu các nguyên nhân và hệ quả, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm phòng ngừa và can thiệp.

Một vấn đề đáng quan ngại khác là sự thiếu hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan báo chí và các tổ chức xã hội trong việc đưa tin về BLGD. Hơn nữa, hiện nay vẫn chưa có cơ chế bảo vệ người tố cáo BLGD, điều này có thể cản trở việc đưa các vụ việc BLGD ra ánh sáng⁽²²⁾. Để nâng cao hiệu quả của truyền thông trong phòng chống BLGD, báo chí cần khắc phục những hạn chế này, đồng thời tăng cường hợp tác với các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và các chuyên gia trong lĩnh vực này. Để nâng cao hiệu quả của truyền thông trong phòng chống BLGD, báo chí cần khắc phục những hạn chế này, đồng thời tăng cường hợp tác với các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và các chuyên gia trong lĩnh vực này.

3. Đề xuất ứng dụng lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự

Nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông phòng chống BLGD trên báo chí, nên cần nhắc áp dụng lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự một cách chiến lược và bài bản.

Thứ nhất, xây dựng chiến lược truyền thông bài bản, đa dạng hóa nội dung, hình thức (bài phóng sự, phỏng vấn chuyên gia, câu chuyện nạn nhân...). Truyền thông về BLGD cần được đa dạng hóa về nội dung và hình thức, không chỉ đưa tin về các vụ việc mà còn cung cấp thông tin về các khía cạnh khác như nguyên nhân, hậu quả, giải pháp phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân⁽²³⁾. Báo chí cần phối hợp với các chuyên gia và tổ chức liên quan để đưa ra thông tin chính xác, đáng tin cậy, đồng thời sử dụng nhiều hình thức khác nhau như phóng sự điều tra, phỏng vấn chuyên gia, câu chuyện nạn nhân... để thu hút sự chú ý của công chúng⁽²⁴⁾. Việc kết hợp giữa thông tin định tính và định lượng cũng rất cần thiết để cung cấp một bức tranh toàn diện về BLGD⁽²⁵⁾.

Thứ hai, tăng cường tần suất, độ phủ sóng của các bài báo về bạo lực gia đình trên các kênh truyền thông khác nhau. Báo chí cần tăng cường tần suất và độ phủ sóng của các bài báo về BLGD trên các kênh truyền thông khác nhau, đặc biệt là báo in, báo mạng điện tử và truyền hình. Việc đưa tin thường xuyên và liên tục sẽ giúp giữ vấn đề BLGD trong tâm trí công chúng và tạo áp lực lên các nhà hoạch định chính sách⁽²⁶⁾.

Thứ ba, sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh tác động mạnh mẽ, khơi gợi sự đồng cảm, phẫn nộ của công chúng. Ngôn ngữ và hình ảnh trong các bài báo về BLGD cần được lựa chọn cẩn thận, tránh đổ lỗi hoặc tạo định kiến về nạn nhân, đồng thời khơi gợi sự đồng cảm và phẫn nộ của công chúng đối với hành vi bạo lực⁽²⁷⁾. Các bài báo có thể sử dụng các câu chuyện cá nhân, hình ảnh chân thực và số liệu thống kê để tạo ra tác động mạnh mẽ đến người đọc.

Thứ tư, tập trung vào các giải pháp cụ thể, khả thi để phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ nạn nhân. Báo chí không chỉ dừng lại ở việc đưa tin về các vụ việc BLGD mà còn cần tập trung vào các giải pháp cụ thể, khả thi để phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ nạn nhân⁽²⁸⁾. Điều này bao gồm việc cung cấp thông tin về các dịch vụ hỗ trợ, các đường dây nóng và các biện pháp pháp lý để bảo vệ nạn nhân. Các bài báo cũng có thể đề xuất các giải pháp ở cấp độ cộng đồng và xã hội để giải quyết tận gốc vấn đề BLGD.

Việc áp dụng những đề xuất trên, dựa trên lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự, có thể giúp báo chí Việt Nam nâng cao hiệu quả truyền thông phòng

chống BLGD, góp phần thay đổi nhận thức và hành vi của xã hội đối với vấn nạn này./.

(1), (25) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), *Báo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019: Hành trình để thay đổi*. Hà Nội: Tổng cục Thống kê.

(2), (3), (4), (6) McCombs, M. E., & Shaw, D. L. (1972), *The agenda-setting function of mass media*, *Public Opinion Quarterly*, 36(2), 176-187. https://www.researchgate.net/publication/317122086_The_Agenda-Setting_function_of_mass_media.

(5), (7) McCombs, M. (2002), *The Agenda-Setting Role of the Mass Media in the Shaping of Public Opinion*. In *Mass Media Economics 2002 Conference*, London School of Economics (pp. 1-17). <http://sticerd.lse.ac.uk/dps/extra/McCombs.pdf>.

(8) Weaver, D., Graber, D., McCombs, M., & Eyal, C. (1981), *Media agenda setting in a presidential election: Issues, images and interest*. Greenwood.

(9) Scheufele, D. A., & Tewksbury, D. (2007), *Framing, agenda setting, and priming: The evolution of three media effects models*. *Journal of communication*, 57(1), 9-20. <https://fbaum.unc.edu/teaching/articles/J-Communication-2007-1.pdf>.

(10) Valenzuela, S., & Arriagada, A. (2011), *Politics without citizens? Public opinion, television news, the president and real-world factors in Chile 2000-2005*. *International Journal of Press/Politics*, 16, 357-381. DOI: 10.1177/1940161210379636.

(11) Carroll, C. E., & McCombs, M. (2003), *Agenda-setting effects of business news on the public's images and opinions about major corporations*. *Corporate Reputation Review*, 5(1), 36-46. DOI:10.1057/palgrave.crr.1540188.

(12) Valenzuela, S., & McCombs, M. (2019), *The agenda-setting role of the news media*. An Integrated Approach to Communication Theory and Research (pp.99-112). Routledge. DOI:10.4324/9780203710753-10.

(13), (14) Nguyễn Thị Tuyết Minh (2023), *Phát huy vai trò của truyền thông đại chúng trong phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Giáo dục Lý luận, (7), 67-72.

(15), (24), (26) Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), & Oxfam Anh (2011), *Nhạy cảm giới trong ngôn ngữ báo in*. Hà Nội.

(16), (17), (18), (21), (22) Trịnh Thị Bích Liên (chủ biên) (2011), *Truyền thông có nhạy cảm giới: Một số gợi ý dành cho phóng viên và người làm báo*. Hà Nội: Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA).

(26), (27) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2021), *Tóm tắt khuyến nghị chính sách: Thiệt hại kinh tế do bạo lực đối với phụ nữ*, Hà Nội: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(23), (28) Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020), *Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi*. Online tại https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/0_bao_cao_chinh.pdf.